

Nhà kỹ nghệ và doanh nghiệp Việt nam

Trương Văn Bền (1884-1956)

Nguyễn Đức Hiệp

Tôi sinh ra đúng vào năm ông Trương Văn Bền mất. Khi lớn lên trong tuổi học trò ở trung học, tôi vẫn còn được nghe nhiều người nhắc đến ông và sản phẩm xà bông Việt Nam mà công ty ông sản xuất với niềm tự hào kính phục pha lẫn với một sự nuối tiếc. Ký ức sâu xa từ nhỏ đó, tưởng chừng như mất đi theo thời gian đã trở lại cách đây vài năm khi tôi bắt đầu tìm hiểu và viết về lịch sử người Minh hương ở Nam bộ.

Người Anh, Mỹ thường gọi những người đầu đàn trong kỹ nghệ là “captains of industry” (dịch nghĩa là “chỉ huy trưởng kỹ nghệ”) thể hiện ý tưởng coi những người khai phá, lãnh đạo các công ty, tập đoàn lớn có sức mạnh trong công nghiệp, kinh tế, tài chính, như những chỉ huy trưởng các đơn vị chủ lực trên mặt trận phát triển kinh tế xã hội. Vì thế tôi gọi ông Trương Văn Bền là người “chỉ huy trưởng kỹ nghệ” đầu tiên của Việt Nam ở đầu thế kỷ 20.

Đã có một số bài viết về ông Trương Văn Bền, nhưng hầu hết đều tương tự, có nhiều thông tin được lặp lại. Trong lúc tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp của ông Trương Văn Bền, tôi đã có may mắn là liên lạc được với một người cháu nội của Trương Văn Bền là anh Phillippe Trương, hiện sống ở Pháp. Qua điện thư, anh Phillippe đã cho tôi biết được nhiều thông tin thêm về ông Trương Văn Bền. Một số thông tin mới về ông, tôi cũng tìm được qua các biên bản chính thức của các buổi họp Hội đồng kinh tế lý tài Đông Dương (Recueil des procès-verbaux des séances plénières du Grand Conseil des intérêts économiques et financiers de l'Indochine) mà ông Trương Văn Bền là một thành viên trong nhiều năm. Tổng hợp các tư liệu trên, tôi xin trình bày một vài nét phác họa chính về ông.

Theo các tác giả, có thể bắt đầu từ Vương Hồng Sển hay Hứa Hoành, thì Trương Văn Bền là người Minh Hương gốc Triều Châu, nhưng thật ra không đúng vậy. Theo người cháu nội của ông, anh Phillippe Trương hiện nay sống ở Pháp thì gốc ông ở Phước Châu, Phúc Kiến, ngay tại Ngũ Hồ Sơn.

Tổ tiên của Trương Văn Bền là Trương Thuận Tri, một sĩ quan tùy tùng của tướng nhà Minh Dương Ngạn Địch. Dương Ngạn Địch và người tướng khác nhà Minh là Trần Thượng Xuyên dẫn đoàn quân gồm binh sĩ cùng gia đình của họ từ Quảng Đông lánh nạn nhà Thanh đi trên đoàn tàu đến Việt Nam vào thế kỷ 17.

Được phép của chúa Nguyễn, Nguyễn Phúc Tần, Trần Thượng Xuyên và Dương Ngạn Địch xuống vùng đất mới Gia Định tìm chỗ trú ẩn và lập nghiệp. Trần Thượng Xuyên đến Cù lao Phố (Biên Hòa) định cư trong khi Dương Ngạn Địch đến vùng nay gọi là Mỹ Tho.

Trương Thuận Chi ở Mỹ Tho một thời gian sau đó đến vùng Chợ Lớn ngày nay. Một người cháu của Trương Thuận Chi là Trương Quốc Thái (sinh vào khoảng đầu thập niên 1800) được nhà Nguyễn bổ chức Huyện Thửa ở Rạch Giá.

Sau ngày Pháp chiếm sáu tỉnh miền Nam, Trương Quốc Thái dờn vào Huế và được vua Tự Đức phong làm chức Phủ doãn ở tỉnh Bình Thuận. Sau khi Trương Quốc Thái mất, người con của ông là Trương Quang Thanh trở về miền Nam ở tại Chợ Lớn. Ông từ chối phục vụ trong chính quyền Pháp và trở thành một người buôn bán bình thường.

Trương Quang Thanh cũng là một thi sĩ và họa sĩ. Ông mất vào năm 1905. Anh Philippe Trương hiện nay vẫn còn giữ hai bức tranh do ông vẽ và nhiều bài thơ. Trương Quang Thanh có 8 người con trai và một gái. Người con gái là bà Trương Thị Cường, sau này thành hôn với ký giả Nguyễn Văn Sâm. Trương Văn Bền là một trong 8 người con trai. Ông Trương Văn Bền sinh ngày 10 tháng 10 năm Giáp thân thời vua Hàm Nghi, (tháng 12 1884).

Thuở thiếu thời, như nhiều gia đình khá giả và học thức, lúc đầu Trương Văn Bền học chữ Hán. Sau đó năm 1896, ông bắt đầu giáo dục Pháp, học ở các trường Ecole Municipale de Cholon, Collège de My Tho, Lycée Chasseloup-Laubat (Saigon). Năm 1889, chính quyền thuộc địa Pháp tổ chức lần đầu tiên kỳ thi Brevet élémentaire (cao đẳng tiểu học), Trương Văn Bền ghi tên và thi đậu dễ dàng. Ông được bổ nhiệm chức vụ Ký lục thượng thư.

Năm 1901, ông rời bỏ không làm cho chính quyền Pháp nữa và trở lại nghề buôn bán của cha ông. Lúc đầu ông bán đậu phộng, đậu xanh, đường, trong một cửa tiệm nhỏ tọa lạc ở số 40 rue du Cambodge (Chợ Lớn). Sau đó ông khuếch trương mua các loại hàng sỉ từ các thương gia người Hoa rồi bán lại cho các tiệm bán lẻ ở Chợ Lớn. Năm 1905, ông mở một xưởng sản xuất và tinh luyện dầu ở Thủ Đức. Ông dùng máy ép bằng hơi làm ở Mỹ, mua từ Pháp. Một năm sau, ông mở một nhà máy xay gạo ở Chợ Lớn và một ở Rạch Cúc. Ông cũng có một khách sạn và một tiệm mỹ phẩm ở Chợ Lớn. Tuy vậy các cơ sở này không thành công bằng cơ sở sản xuất dầu của ông ở Thủ Đức. Năm 1918, ông mở thêm một cơ sở sản xuất dầu nữa ở Chợ Lớn. Xưởng này sản xuất đủ loại dầu từ dầu nấu ăn, dầu salad (salad oil) đến dầu dừa, dầu castor, dầu cao su và các loại dầu dùng trong kỹ nghệ.

Trong ký sự “Một tháng ở Nam Kỳ” (1918), ông Phạm Quỳnh có nhắc đến ông Trương Văn Bền như sau:

“Ông Trương Văn Bền là một nhà công nghiệp to ở Chợ Lớn, năm trước cũng có ra xem hội chợ ở Hà Nội, đem xe hơi ra đón các phái viên Bắc Kỳ về xem nhà máy dầu và nhà máy gạo của ông Chợ Lớn. Xem qua cái công cuộc ông gây dựng lên, đã to tát như thế mà chúng tôi thấy hứng khởi trong lòng, mong mỗi cho đồng bào ta ngày một nhiều người như ông, ngõ hầu chiếm được phần to trong trường kinh tế nước nhà và thoát ly được cái ách người Tàu về đường công nghệ thương nghiệp.”



Trương Văn Bền



Gia đình Trương Văn Bền

Từ những thành công ban đầu này, năm 1918, ông bắt đầu tham dự tích cực vào đời sống kinh tế chính trị trong xã hội. Ông được bầu làm một hội viên trong Hội đồng quản hạt Nam kỳ (Conseil Colonial) vào năm 1920, và sau đó năm 1924 là nghị viên Phòng Thương Mại (Chambre de Commerce). Năm 1932, ông là người Việt nam đầu tiên được bầu làm phó chủ tịch Phòng Thương Mại và giữ chức này cho đến năm 1941. Ngoài ra ông còn là nghị viên Phòng Canh Nông (Chambre d' Agriculture, 1922), thành viên của hội đồng giám đốc quản trị (board of directors) của Thương cảng Saigon (Port Commerce de Saigon) và ứng viên Hội đồng Quản trị Sở Lúa gạo Đông Dương từ năm 1924.



Hình 1,2,3: Thương cảng Saigon quản lý bởi công ty Messageries maritimes mà trụ sở là Bến Nhà rồng hiện nay. Hình 4: Nhà máy xay lúa ở Chợ Lớn

Trong thập niên 1920, ông nhảy vào lãnh vực canh nông. Lúc đầu ông mua 300 mẫu ruộng ở Mỹ Tho. Vài năm sau đó, năm 1925, ông cùng một số người khác thành lập Công ty canh nông Thập Mười (Société Rizicolte du Thập Mười). Công ty có hơn 10 000 mẫu và tạo công ăn việc làm cho hàng ngàn nhân sự ở miền Tây Nam bộ. Ông làm Tổng giám đốc và là thành viên của hội đồng quản trị công ty. Ông giữ chức vị Tổng giám đốc cho đến năm 1931.

Vai trò quan trọng của ông trong địa hạt phát triển canh nông, kỹ nghệ, kinh tế tài chính được đánh giá cao trong xã hội. Ông được bầu làm hội viên của Đại hội đồng Kinh tế lý tài Đông Dương (Grand Conseil des Intérêts économiques et financiers de l'Indochine) năm 1929. Đại hội đồng kinh tế lý tài Đông Dương được thành lập năm 1928 để nghiên cứu và giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế và tài chính ở Đông Dương. Các vùng ở Đông Dương như Lào, Cam Bốt, Trung, Bắc và Nam đều có thành viên. Trong Đại hội đồng, ông đã có nhiều đóng góp sửa đổi nhiều chính sách kinh tế bảo vệ quyền lợi người dân bản xứ và người nghèo khó ở Nam bộ. Qua các biên bản báo cáo chi tiết các cuộc họp Đại hội đồng được công bố mỗi năm của chính phủ toàn quyền Đông Dương (4) (5) ta có thể thấy một vài sự kiện thể hiện tinh thần bảo vệ phúc lợi người dân của Trương Văn Bền.

Thí dụ trong quyển báo cáo phát hành năm 1939 về các đề tài tranh luận bỏ phiếu ở Đại hội đồng năm 1938, có viết một đoạn như sau (5):

“... Ông Trương Văn Bền đọc một đề nghị như sau và đặt ra trước Đại Hội đồng để được biểu quyết với sự đa số tuyệt đối.

Đại hội đồng

Chiếu rằng trong dự án tổng ngân sách năm 1939, chính phủ có nhiệm vụ thi hành những công trình mới (thủy lợi và vét kinh) từ quỹ tương mục Nam kỳ một số tiền là 724000 đồng;

Chiếu rằng những công trình này cho tới nay được thực hiện mà không lấy ý kiến từ các thành viên của Nam kỳ được bầu vào Hội đồng;

Chiếu rằng trong năm 1938, Sở Công chánh chỉ chi tiêu trong các chương trình trên một số tiền 470000 đồng so với ngân sách tiên đoán cho dự án là 745000 đồng;

Chiếu rằng làm các kênh đào ở Nam kỳ thường luôn có kết quả tốt trên phương diện thoát nước, cải tiến đất cũng như làm giảm mực nước sông Cửu Long trong mùa lũ;

Chiếu rằng các công trình này được trả từ các quỹ đã có;

Trên cơ sở tiền thu được từ thuế () trên xuất cảng gạo và dịch vụ liên quan vào khoảng 6000000 đồng;*

Đề nghị sau đây được đưa ra biểu quyết

1.- Các điều được xóa bỏ là điều 122, điều thứ nhất (các công trình thoát nước và thủy lợi ở Nam kỳ);

2.- Hoàn lại 0\$50 trên mỗi đồng tiền thuế xuất cảng gạo và các dịch vụ liên quan thu được ở Nam kỳ. Tiền hoàn lại sẽ được ghi vào Chương 9, điều 8

Số tiền hoàn là $1500000 \times 0.50 = 750000$ đồng

(() ở toàn Đông Dương, chú thích của tác giả)*

Đại biểu ông Marinetti chú thích là trong số lượng gạo xuất cảng ở cảng Saigon có 200000 tấn là từ Cam Bốt.

Ông Tổng thư ký phủ nhận những phê bình về vấn nạn của Sở thủy lợi mà sự thành lập được đòi hỏi tức thì cách đây không lâu.

Trái với những điều mà ông đại biểu Trương Văn Bền nêu lên, phương thức tín dụng mỗi năm được chi tiêu trong giai đoạn thi hành hợp đồng với Công ty Đào vét (Société des Dragages) nói chung phù hợp với số lượng tiền ghi trong ngân sách. Ông tổng thư ký kêu gọi sự chú ý của Đại hội đồng về tính cách đặc biệt của các công trình thủy lợi

cần thời gian dài thực hiện và vì thế cần thiết một sự liên tục dựa trên kỹ thuật chuyên biệt.

Ông Trương Văn Bền đòi hỏi lần nữa là có sự biểu quyết qua lá phiếu đề nghị của ông, và sự đào kên lại.

Ông Combot ủng hộ đề nghị của ông Trương Văn Bền, và bày tỏ sự ngạc nhiên là các công trình thủy lợi đã được thực hiện mà không có sự đòi hỏi, yêu cầu nào của dân chúng ở các vùng liên hệ.

Ông giám đốc tài chánh cho hội đồng biết là sự bỏ phiếu của đề nghị sẽ không có ảnh hưởng đến tài chánh năm 1939.

Sau khi đọc, đề nghị của ông Trương Văn Bền được chấp thuận với 25 phiếu thuận và 5 phiếu chống.

Một thí dụ khác như trong quyển báo cáo năm 1940 về các đề tài tranh luận bỏ phiếu ở Đại hội đồng năm 1939 có đoạn nói về quản lý tiêu chuẩn dược phẩm. Trong cuộc tranh luận giữa các thành viên về thuốc cổ truyền đông y, ông Trương Văn Bền cũng phát biểu phản đối đạo luật của chính phủ ban hành ngày 24/10/1939 hạn chế và quản lý chặt chẽ sự sử dụng thuốc bắc cổ truyền trong quần chúng. Ông nói lên sự bất bình của đa số quần chúng về đạo luật trên.

Ông phàn nàn là Đại hội đồng, các công dân bảo hộ và nhiều nhân vật người An Nam thuộc nhiều thành phần khác nhau đã không được hỏi ý kiến trước khi có quyết định và đòi hỏi là đạo luật được đình chỉ, chờ sự thành lập một ủy ban để quản lý vấn đề thuốc ta cổ truyền và thuốc tây một cách hợp lý và hài hòa. Đa số người dân không có khả năng mua thuốc tây và do đó họ đều dùng thuốc ta cổ truyền, mặc dầu có sự lạm dụng của một số đông y sĩ. Một số thành viên trong Đại hội đồng như ông Thương Công Thuận, Trần Văn Kha, Tôn Thất Viên Đề ủng hộ ý kiến của ông Trương Văn Bền. Ông Tổng thư ký Đại hội đồng tán thành nhưng cho rằng phải có một sự quản lý nào đó ít nhất để tránh lạm dụng toa thuốc độc hại. Về phương diện thực tiễn thì khó có thể quản lý được vì người chẩn bệnh cũng là người làm và chế thuốc.

Ông Phan Văn Giao ủng hộ đạo luật của chính phủ để quản lý thuốc ta. Ông Tôn Thất Viên Đề còn đặt ra câu hỏi là tại sao thuốc Tây lại rất đắt qua đó ông Giao cho là vì những người trung gian đã lợi dụng kiếm lời quá cao nên mới có sự thế như vậy. Ông Baffleuf, chủ tịch Đại hội đồng nói rõ cho ông Đề là ông (Baffleuf) cũng là thành viên trong Ủy ban trung ương kiểm soát nên ông bảo đảm với ông Đề là sự tăng giá thuốc chỉ có được phép sau khi có sự điều nghiên kỹ lưỡng. Ông Baffleuf đồng ý là luật mới đã gặp nhiều phản ứng bất lợi và đưa ra đề nghị của Đại hội đồng là luật mới ra quá sớm và cần có sự nghiên cứu lại kỹ lưỡng trong quản lý để áp dụng từ từ và đúng mức trong giai đoạn chuyển tiếp (4).

Đáng để ý là trước đó vào năm 1931, bác sĩ Yersin cũng đã trình bày trước Đại hội đồng về sự cần thiết trồng cây quinine làm thuốc chống sốt rét ở Đông Dương và sự liên hệ hợp tác giữa viện Pasteur Saigon và các cơ quan liên hệ của phòng canh nông ở Đông Dương. Từ năm 1923, bác sĩ Yersin cho biết là ông đã nghiên cứu các mẫu vỏ cây quinine từ các cây được thử trồng sao cho thích hợp với khí hậu ở một số đồn điền ở Đà Rằng (Dran) và Di Linh (Djiring) trên Tây Nguyên với độ cao như các cây quinine trồng thành công ở Java khoảng 1500 m. Trước đó năm 1917, Yersin đã thử ở Hòn Bà gần Nha Trang. Bác sĩ Yersin hy vọng là sẽ thành công phát triển cây quinine và kỹ nghệ chế biến thuốc chống sốt rét cho toàn cõi Đông Dương với sự trợ giúp của Đại hội đồng.

Theo quyển «Tự Điển Tác Giả Việt Nam» của ông Nguyễn Q. Thắng (NXB Văn Hóa, 1999) thì ông Trương Văn Bền cũng có viết 3 tác phẩm: Phương pháp chế tạo xà phòng (1918), Phương pháp cải tạo các giống lúa (1932) và Phương pháp lấy dầu thông (1932) (2).

Ở Nam Kỳ, các cơ quan tư vấn tối cao, phụ tá cho Thống đốc như Hội đồng Quản hạt Nam Kỳ, Đại hội đồng kinh tế lý tài Đông Dương, Hội đồng Canh nông, và Phòng thương mại, đều có ông Bền là hội viên.

Mặc dầu ở địa vị cao và có thế trong xã hội, ông không bao giờ khoe khoang tự mãn, trái lại ông rất khiêm tốn, tập trung vào công việc phát triển kỹ nghệ, kinh tế, kinh doanh mang đến phúc lợi cho quần chúng.



Pont des Malabars et quai (Bến Chợ Lớn cạnh rạch Chợ Lớn sau này bị lấp, ngày nay là bến xe Chợ Lớn)

Nói về kinh nghiệm trong thương trường và bí quyết thành công, ông Trương Văn Bền có cho biết một số ý kiến như sau (trích nguồn (3))

“...Đầu những năm 1930 trong dịp Tết Nguyên đán, các báo Sài Gòn thường đăng phỏng vấn quảng cáo thương mại. Những bài này thường rất ấn khách do người đọc thích tìm hiểu bí quyết thành công của các nhà kinh doanh nổi tiếng. Trong đó có bài phỏng vấn ông Trương Văn Bền đăng trên báo Sài Gòn Xuân 1939 đã thu hút rất nhiều độc giả thời bấy giờ quan tâm. Mặc dù thời đó không có những khái niệm chuyên môn như tiếp thị, đầu tư, thương hiệu... Nhưng nội dung chủ yếu của bài báo lại xoay quanh những vấn đề này. Có thể nói, bài phóng sự đó đã có ý nghĩa cần thiết không những đối với những nhà kinh doanh cùng thời mà còn là con đường sáng cho doanh nhân ngày nay suy ngẫm và so sánh.

Trong bài báo phỏng viên hỏi tại sao người Việt thường thất bại trong thương mại và kỹ nghệ. Không cần suy nghĩ lâu, ông Trương Văn Bền trả lời: “ Tại người mình ưa bắt cá hai tay, ưa làm nhiều việc quá. Việc này chưa xong, họ đã xoay qua làm việc khác, thành thử không việc nào vẹn toàn. Rốt cuộc hỏng cả”. ông nói tiếp: “Lý do thứ nhì là do không thông thạo việc nên thất bại. Bất cứ việc gì, trước khi làm mình phải biết rõ việc

ấy. Phải học, phải nghiên cứu kỹ càng mới được. Người Tây trước khi làm việc gì họ cũng học trước cả. Cho đến một việc đứng bán hàng, ta cho là tầm thường và tưởng ai ai cũng có thể làm được. Nhưng đối với họ đó là việc quan trọng cũng có sách có trường dạy hẳn hoi, dạy từ cách tiếp khách, khoe hàng làm sao cho người khách mua rồi thì còn trở lại. Người mình có một cái rất bậy là chỉ thấy cái lợi trước mắt, chỉ cốt làm sao bán được món hàng lúc ấy mà thôi, không chịu hiểu rằng người khách thấy mình bị tiếp đãi không được như ý, hoặc bị lừa gạt mua nhầm hàng xấu, về sau không thèm trở lại nữa, vì vậy mà ế ẩm. Như tôi đây cơ sở đã vững vàng rồi mà ngày nào cũng tìm sách, tìm báo đọc thêm”.

Khi được hỏi về bí quyết thành công, ông Bền nói: “ở xứ mình, trong giới kỹ nghệ còn trống chỗ nhiều, muốn lập kỹ nghệ nào cũng dễ lắm. Không cần phải có vốn nhiều. Vốn ít, càng tốt hơn. Ban đầu không nên làm rình rang, đã vô ích mà còn có hại, cứ khởi sự nho nhỏ, đi lần lần từng bước. Cần nhất phải có chí nhẫn nại. Như tôi đây bị thất bại đã mấy phen, nhưng có thất bại mới có thêm kinh nghiệm. Thứ nhất là bền chí. Thứ hai là phải có sức khỏe, làm gì thì làm mỗi buổi sáng tôi cũng dậy sớm tập nửa giờ thể dục. Không có sức khỏe, hay đau ốm thì dầu tài giỏi đến bực nào cũng thành vô dụng. Tóm lại sức khỏe, sự học hỏi, sự bền chí là những điều kiện của sự thành công”....

“Trương Văn Bền cũng là hội viên của hội đồng quản trị Sở lúa gạo Đông Dương khi sở này được thành lập năm 1924, chủ tịch Liên hiệp canh nông (Union d’Agriculture), chủ tịch nhà băng Tín dụng Canh nông Chợ Lớn (Caisse de Crédit Agricole du Cholon) năm 1932, phó chủ tịch Phòng Canh nông (Chambre d’ Agriculture) trong thời gian 1932-1941 và là thành viên của Hội đồng sản xuất kỹ nghệ Đông Dương (Conseil de production industriel d’ Indochine) khi được thành lập vào năm 1941. Ông thành lập năm 1941 hai nhà máy xay lúa sản xuất hơn 100 tấn gạo mỗi ngày.

Trong bài diễn văn của ông Henri Maspéro (nhà sử học chuyên về Trung Hoa, anh của George Maspero, tác giả sách “Vương quốc Champa”) đọc nhân dịp khai hoạt của Hội đồng quản hạt (Conseil Colonial) ngày 12 tháng 02 năm 1920, nói về ông Trương Văn Bền như sau (2):

«.. Cuối cùng, ông Bền đủ tất cả điều kiện và khả năng đại diện ở Hội đồng này các kỳ vọng mới của đồng bào ông. Trong thời điểm mà người An Nam không còn nghĩ đến việc đóng vai trò tích cực vào sự phát triển kinh tế ở Nam kỳ, ông đã, bằng phương tiện sức của chính mình, tạo ra một kỹ nghệ mà ông biết rõ, bằng sự bền chí, ý chí, thông minh sáng tạo và làm việc, đã đặt ông vào hàng quan trọng bậc nhất. Những đồng bào của ông khi bầu ông vào đây, đã cho thấy từ đây họ chú ý và tham dự vào đời sống kinh tế của thuộc địa, và sự nhận hiểu mà họ có với các đồng bào của họ, đã mở đường và là một gương mẫu tốt cho họ.”

Tuy là trong hội đồng quản hạt Nam Kỳ, ông không hoàn toàn theo Pháp. Ông Ngo Van trong « Vietnam 1920-1940 révolution et contre-révolution sous la domination coloniale » có ghi: « Quelques autres conseillers, dont l’avocat Gallet, défenseur de Nguyễn An Ninh, et Truong Van Bền, le (Nguyễn Tan Duoc) suivirent dans la voie de la critique » (p.54) (2) (“Những thành viên khác trong hội đồng, trong đó có luật sư Gallet, người bảo vệ Nguyễn An Ninh, và ông Trương Văn Bền đã theo ông Nguyễn Tấn Dực trong đường lối chỉ trích”)

Ngày 21 tháng 03 năm 1926, theo lời kêu gọi của ông Dejean de la Bâtie và Nguyễn An Ninh để chống sự trục xuất nhà báo Trương Cao Dong ra Annam ông Trương Văn Bền đã có mặt tại vườn Xoài. Theo bài báo của ông Dejean de la Bâtie trong La Cloche Fêlée (23.03.1926) : « Président : M Le Quang Lien dit Bay, constitutionnaliste, assisté de M.

Truong Van Ben, conseil colonial constitutionnaliste, et Phan Van Truong, avocat et directeur de La Cloche Fêlée... » (p. 60) (2).

Ngoài lúa gạo, ông nhận thấy nhiều tiềm năng cho các sản phẩm canh nông khác ở miền Nam như dừa. Từ năm 1928, khi ông thành lập xưởng chế dầu ở Chợ Lớn sản xuất các loại dầu ăn và dầu công nghiệp và bắt đầu từ năm 1932, ông mở thêm nhà máy làm xà bông từ dầu nông sản. Vào thời gian này và trước đó, hầu hết xà bông dùng trong nước và ở Đông Dương là nhập cảng từ Pháp. Chỉ có một số ít xà bông làm từ các xưởng nhỏ thủ công ở Chợ Lớn với chất lượng kém nên có giới hạn rất nhỏ và càng không thể cạnh tranh và so sánh với xà bông nhập từ Marseille, một thành phố Pháp.

Xà bông là sản phẩm mang lại cho ông nhiều tiếng tăm và tiếp cận mọi người nhiều nhất. Tên của Trương Văn Bền gắn liền với xà bông Việt Nam, xà bông “Cô Ba”. Hãng xà bông của ông tọa lạc trên đường Rue de Cambodge (nay là Chợ Kim Biên, quận 5). Công ty của ông gọi là Trương Văn Bền và các con – Dầu và Xà bông Việt Nam (Truong Van Ben & fils – Huilerie et Savonnerie Vietnam). Xưởng dầu của ông ở Chợ Lớn mỗi tháng sản xuất khoảng 1500 tấn dầu dừa và hãng xà bông Trương Văn Bền sản xuất khoảng 600 tấn xà bông và 10 tấn glycerine trong năm 1943, vào thời kỳ khó khăn ở nhiều nước do chiến tranh đệ nhị thế chiến. Công ty Trương Văn Bền và các con là công ty quan trọng nhất sản xuất dầu và xà bông trên toàn cõi Đông Dương.

Xà bông Việt Nam và xà bông thơm “Cô Ba” được nhiều người ưa chuộng vì chất lượng tốt và giá phải chăng cho mọi người tiêu dùng. Trên thị trường, xà bông Việt Nam và xà bông thơm “Cô Ba” đánh bật xà bông thơm “Mac Xây” (Marseille) của Pháp nhập từ chính quốc. Ngoài Việt Nam, xà bông “cô ba” được dùng rộng rãi ở Lào và Cam Bốt, được xuất khẩu qua Hong Kong, Tân Đảo (Nouvelle Calédonie) và một số các nước châu Phi.



Sản phẩm xà bông Việt Nam của Trương Văn Bền và các con

Trương Văn Bền là một doanh nhân luôn tìm hiểu với tầm nhìn xa và nhạy bén đến những áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất thực tiễn và đầu tư khuyến khích tìm những hướng đi mới. Với đầu óc thoáng và rộng rãi, ông đã thiết lập thành công cơ sở sản xuất và kinh doanh của công ty ông rất hữu hiệu và hiện đại. Ông không tự tìm hiểu và học hỏi để trở thành chuyên viên làm xà bông có chất lượng tốt như nhiều người làm tưởng. Ban đầu ông gửi một kỹ sư giỏi qua Paris để tìm hiểu kỹ thuật làm xà bông với một kỹ sư người Pháp ở nhà máy làm xà bông Mazet. Lúc đó đã có hai nhà máy làm xà bông của Pháp ở Saigon do các ông Mazet và Boris làm chủ.

Trong hồi ký của ông, ông viết về sự chọn lựa tên sản phẩm xà bông của ông như sau (2):

“Tôi đang tìm kiếm tên nào kêu, dễ gọi, dễ nhớ để đặt tên cho Xà-bông mà chưa kiếm ra. Ngoài Bắc, phong trào cách mạng Việt Nam quốc dân đảng do Nguyễn Thái Học cầm đầu nổi lên nhiều chỗ và đã bị thất bại đau đớn, đến lúc Tây xử tử họ ở Yên Bái thì mười người như một, trước khi đút đầu vô máy chém đều bình tĩnh hô to : “Việt Nam vạn tuế” gây một luồng dư luận sôi nổi ở trong nước và thế giới.

Tôi không bỏ lỡ vội chụp lấy vụ này, lấy tên Việt-Nam đặt cho xà-bông, gọi Savon Việt-Nam để nêu lòng ái quốc đang bùng bột ở trong xứ, xà-bông Việt-Nam là của người Việt làm cho người Việt, người Việt yêu nước phải dùng đồ Việt Nam”.



Về sự chọn lựa biểu tượng của xà bông Việt Nam, ông đã dùng hình ảnh của một người con gái đẹp Việt nam rất đậm dân gian Nam bộ là “Cô Ba”. Không biết trong trường hợp nào ông đã dùng hình ảnh của một người phụ nữ “cô Ba” với nét đẹp có duyên Nam bộ, nhưng biểu tượng này của vùng đất miền Nam đánh trúng tâm lý dễ dàng nhận diện và quen thuộc của con người trong vùng đã là một yếu tố quan trọng để sản phẩm của ông được tiếp nhận rộng rãi. Một trong những tin đồn huyền thoại dân gian kể lại thì “Cô Ba” “chính là con gái Thầy Thông Chánh ở Trà Vinh, người đàn bà đẹp nhất Nam Kỳ hồi đầu thế kỷ 20. Theo ông Hứa Hoàn (1) thì cái hay của ông Trương Văn Bền là biết áp dụng tâm lý, đưa hình ảnh “Cô Ba”, người đẹp huyền thoại trong dân gian làm nhãn hiệu cho sản phẩm hàng hoá của mình bán chạy. Nhưng các giai thoại và tin đồn như trên về “Cô Ba” đều không đúng. Thật ra người phụ nữ ấy chính là người vợ của ông. Ta có thể thấy hình ảnh trên nhãn hiệu và ảnh của phu nhân ông Trương Văn Bền là một. Và lại, trước kia trong phòng làm việc của ông tại công ty Xà Bông Việt Nam có tượng bằng đồng đen hình vợ ông dùng làm mẫu cho hình trên hộp xà bông (2).

Với sự ra đời của hãng xà bông Trương Văn Bền ở Nam Kỳ năm 1932, Việt Nam hãnh diện có được một xưởng công nghệ quy mô, góp phần vào công cuộc phát triển kinh tế trong thời kỳ phôi thai.

Trong sự tiếp thị sản phẩm trên thị trường cạnh tranh lúc đầu và sau này cho đến khi ông mất để khuếch trương thương hiệu, Trương Văn Bền đã khôn khéo sáng tạo không kém những doanh nhân nổi tiếng hiện nay như Bill Gates của Microsoft. Trên báo chí ở Việt Nam từ khi xà bông Việt nam được sản xuất vào năm 1932, trong mục quảng cáo thường đăng “Dùng xà bông xấu, mặc quần áo” hoặc “Người Việt Nam nên xài xà bông Việt Nam” của Hãng Xà bông Trương Văn Bền. Trong các cuộc triển lãm được mở cửa hàng năm tại các tỉnh và Sài Gòn, bao giờ gian hàng của ông Bền cũng được thiết kế ấn tượng nhất với mô hình một cục xà bông khổng lồ gây được sự chú ý và tò mò đặc biệt của người xem. Chưa dừng lại ở đó, tại các gian hàng còn có bán xà bông gọi là chào hàng với giá rẻ hơn bên ngoài đến 25%. Trương Văn Bền còn đưa nhãn hiệu xà bông Trương Văn Bền vào những loại hình nghệ thuật dân tộc được người Việt yêu thích như vọng cổ, thơ lục bát đề cao tinh thần dân tộc, lòng yêu nước... khiến cho từ giới bình dân đến trí thức người Việt đều biết đến sản phẩm của ông (3).

Sau đây là vài đoạn trong nhật ký của ông Trương Văn Bền (2):

«Thấy xà-bông bán chạy tôi làm thêm một chảo nữa. Nay nhiều thêm thì phải làm quảng cáo dữ mới bán được. Một mặt phải kiếm thế ép mấy hàng tạp hóa mua xà-bông Việt Nam về bán, vì tiệm tạp hóa hầu hết của khách trú, chúng xấu bụng không mấy khi chịu mua đồ của người Việt-Nam chế tạo về bán, chỉ trừ khi nào món đồ ấy đã được thông dụng đem cho chúng một mối lợi hàng ngày thì chúng mới chịu mua. Tôi bèn huy động một tốp người cứ lần lượt hàng ngày đi hết các tiệm tạp hóa hỏi có xà-bông Việt-Nam bán không ? Hễ có thì mua một, hai xu, bằng không thì đi chỗ khác, trước khi bước chân ra khỏi tiệm nói với lại một câu « Sao không buôn xà-bông Việt-Nam về bán ? Thứ đó tốt hơn xà-bông khác nhiều ». Hết người này tới người khác, thết rồi chủ tiệm cũng phải để ý lấy làm lạ, phải hỏi lại chỗ bán xà-bông Việt-Nam, cho người mua thử về bán. Tốp thì ôm đờn ca vọng cổ tán dương tính chất của Xà-bông Việt Nam, tốp thì đi đánh võ rao hàng, rồi đá banh tôi cũng cho mặc áo thêu Xà-bông Việt Nam. Nói tóm lại tôi không bỏ lỡ một dịp nào mà không làm quảng cáo, nên Xà-bông Việt-Nam bán chạy lắm ». (Đoạn này cho biết là năm 1922, ông đã dùng quảng cáo để bán hàng)

«Nhờ sức mạnh của quảng cáo, xà-bông Việt-Nam tiến phát mau lắm, chỗ nào cũng buôn xà-bông Việt-Nam, ai nấy chỉ dùng xà-bông Việt-Nam thôi. Thấy mối lợi như vậy nhiều người chóa mắt cũng làm xà-bông để tranh dành, như Bà Đốc phủ Mầu ra xà-bông « Con Cọp », Balet ra xà-bông « Nam-Kỳ » cũng đầu người đờn bà như Việt-Nam, Nguyễn Phú Hữu ra xà-bông « 3 sao » ở Cần Thơ, v.v. nhưng tranh đua không lại Xà-bông Việt-Nam, đều bị thất bại, bỏ cả. Số sản xuất của Xà-bông Việt-Nam lần lần lên tới 200 tấn, bán cùng Saigon, lục tỉnh, Trung kỳ, Bắc kỳ, Ai Lào, Cao miên. »

«Năm 1941, tôi chịu cho sở binh lương một ít lợi quyền, nên bán được giá cao, chở đi Madagascar, Réunion, v.v. Mấy xứ thuộc địa Pháp này vẫn mua xà-bông Mạc-Sây, nay chiến tranh giao thương bế tắc nên phải mua của tôi, mà chính là mấy hãng ở Mạc-Sây thiết thợ mua để bán đi các nơi ».

Ông cũng cho biết: « Trong 6 năm thế giới chiến tranh (1939-1945) mấy hãng dầu và xà-bông làm ăn tấn phát lắm, một cơ hội may cho mấy hãng Tây như Borris, Mattrat và Delaunay, vì chiến tranh, việc xuất nhập cảng khó khăn. Trong ủy ban giám đốc hầu hết là người Pháp nhưng tôi là nhân viên Hội đồng quản hạt, hãng xà-bông của tôi lại sản xuất nhiều hơn họ nên họ phải để tôi làm Chủ tịch ».

Vì thế cũng không lạ gì, tên tuổi và sản phẩm của Trương Văn Bền nổi tiếng và là niềm tự hào của nhiều người, nhất là ở trong Nam. Mặc dầu ông mất từ năm 1956 nhưng cho đến đầu thập niên 1970, nhiều người vẫn còn nhắc đến ông với sự kính trọng trong tình đồng bào và tình cảm thân cận gần gũi như trong nhà. Ông đã chỉ ra và làm gương cho nhiều người đi sau để khuếch trương tiềm năng tháo vát sáng tạo và tinh thần của người Việt Nam trong kinh tế và thương mại.

Cũng theo ông Hứa Hoàn (1) thì trong bảng lượng giá để đánh thuế của Phủ toàn quyền Đông Dương ở Hà Nội, năm 1941, ông Trương Văn Bền phải đóng cho chính phủ một số tiền lên tới 107.000 đồng (trong khi đó, giá vàng khoảng 60 đồng/lượng). Điều này chứng tỏ công ty Trương Văn Bền và các con là một trong những công ty làm ăn rất phát đạt ở Đông Dương tạo ra của cải công ăn việc làm cho bao người và thúc đẩy kinh tế phát triển trong nhiều lãnh vực.



Sau năm 1948, Trương Văn Bền rời Việt Nam và sống tại Paris. Ông trở thành hội viên của Phòng thương mại Quốc tế (International Chamber of Commerce) và đi chu du khắp nơi trên thế giới. Ông viết hồi ký ở Paris và khi ông mất, anh Phillipe Trương cho đến nay giữ tập hồi ký này của ông. Ông Trương Văn Bền cũng là bạn ông Hui Bồng Hỏa (chú Hỏa), gia đình hai bên thỉnh thoảng thăm viếng ở Saigon và Nước Ngọt nơi hai ông có cư dinh (2).

Ông Bền có nhiều con, trai lẫn gái. Một người con là ông Trương Khắc Trí, từng là chủ tịch ban quản trị Việt nam Công Thương Ngân Hàng (lập năm 1953) tại Sài Gòn và là tổng giám đốc công ty xà-bông Việt Nam từ 1959 đến 1965. Ông Trương Khắc Huệ, sau khi tốt nghiệp trường đại học hóa học tại Marseilles, tham gia vào công ty Trương Văn Bền làm giám đốc kỹ thuật từ năm 1945 đến 1965 và tổng giám đốc từ năm 1965-1970. Ông Huệ cũng là hội trưởng nghiệp đoàn kỹ nghệ dầu và xà-bông miền Nam Việt Nam (1965-1975) và là tổng thư ký Tổng Đoàn Công Ty kỹ nghệ Việt Nam (1969-1975). Trong thời gian này, ông Trương Khắc Huệ là người tạo ra những sản phẩm mới như

xà-bông hương ngải và nhứt là bột giặt (2). Người con trai út, ông Trương Khắc Cần, quản lý công ty từ năm 1970 đến 1975.

Thời kỳ sau khi Trương Văn Bền mất, từ năm 1959 cũng là thời kỳ nhiều biến động trong lịch sử Việt Nam. Xà bông Việt Nam của Trương Văn Bền vẫn chiếm lĩnh phần lớn thị trường cho đến khoảng giữa thập niên 1960, khi hàng hóa, xà bông, bột giặt Mỹ bắt đầu tràn ngập miền Nam. Các công ty mới ở Việt Nam cũng thành lập sản xuất bột giặt thay thế phần lớn nhu cầu dùng xà bông để giặt giũ. Công ty Trương Văn Bền và các con, lúc đó đã đổi thành Hãng xà bông Việt Nam, vẫn nỗ lực cạnh tranh, sản xuất thêm sản phẩm bột giặt Việt Nam cạnh tranh với các loại bột giặt Mỹ và bột giặt Viso của ông Trương Văn Khôi.

Sau năm 1975, nhà nước mới trưng thu một phần cơ sở của Hãng Xà bông Việt Nam để trở thành Nhà máy hợp doanh Xà bông Việt Nam thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ. Năm 1995, đơn vị này trở thành công ty Phương Đông thuộc Bộ Công nghiệp. Tháng 7/1995, công ty Phương Đông liên doanh với tập đoàn Procter & Gamble lập một nhà máy mới ở Bình Dương (1).

Một thời quá khứ ngang dọc vang danh của nhà kỹ nghệ và doanh nhân nổi tiếng Việt Nam nay chỉ còn là ký ức. Một nghĩa cử tốt đẹp ít nhất chúng ta nên có để nhớ tới một trang lịch sử doanh nghiệp rất đáng tự hào, gương sáng cho tương lai và thế hệ mới ngày nay trong thời đại toàn cầu hóa. Cần ghi lại, phổ biến, khuyến khích học hỏi tinh thần doanh thương, mạo hiểm trên doanh trường nhưng đầy trách nhiệm với xã hội của Trương Văn Bền. Công ty Phương Đông ngày nay cũng nên tự hào ghi vào lịch sử công ty của mình những thành tích đáng khâm phục của người tiên phong mở đường cho công kỹ nghệ doanh thương Việt Nam.

Tham khảo

(1) Hứa Hoàn, Những nhà phú hộ và người lừng danh ở Nam kỳ, <http://namkyluctinh.org/a-lichsu/huahoanh/huahoanh-phuho%5B4-kyngh%E5D.htm>

(2) Phillipe Truong, theo thông tin trong các điện thư do Phillipe gửi cho tác giả

(3) Khuyết danh, Trương Văn Bền (1883-1956), http://www.vinhanonline.com/index.php?option=com_content&view=article&id=467:truong-van-ben-1883-1956&catid=88:nhung-nha-kinh-te&Itemid=270

(4) Gouvernement general de l'Indochine, Recueil des procès-verbaux des séances plénières du Grand Conseil des intérêts économiques et financiers de l'Indochine, Session ordinaire de 1939, Imprimerie d'extreme-orient, Hanoi, 1940, <http://gallica.bnf.fr/ark:/12148/bpt6k56273414.image.f115.tableDesMatiere>

(5) Gouvernement general de l'Indochine, Recueil des procès-verbaux des séances plénières du Grand Conseil des intérêts économiques et financiers de l'Indochine, Session ordinaire de 1938, Imprimerie d'extreme-orient, Hanoi, 1939, pp. 201-202, <http://gallica.bnf.fr/ark:/12148/bpt6k5453910r.image.f203.tableDesMatiere> và <http://gallica.bnf.fr/ark:/12148/bpt6k5453910r.image.f000204.tableDesMatiere>

5/2010 - Nguồn: <http://www.khoahoc.net>